

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu
01	B05	B05-01	C08-01	Đặng Hoàng An		8.00	HSTT
02	B05	B05-02	C01-01	Nguyễn Phạm An		8.80	HSG
03	B05	B05-03	C08-03	Lê Phương Anh	x	7.30	HSTT
04	B05	B05-04	C02-03	Lê Trần Phương Anh	x	8.90	HSG
05	B05	B05-05	C08-02	Ninh Thế Anh		8.40	HSTT
06	B05	B05-06	C02-06	Phạm Hoàng Lan Anh	x	8.10	HSTT
07	B05	B05-07	C08-04	Phạm Nguyễn Trâm Anh	x	8.00	HSTT
08	B05	B05-08	C01-05	Trương Ngọc Trâm Anh	x	8.20	HSTT
09	B05	B05-09	C02-08	Nguyễn Sơn Ngọc Ánh	x	8.20	HSTT
10	B05	B05-10	C01-03	Vũ Thiên Ân		8.00	HSTT
11	B05	B05-11	C08-05	Phạm Gia Bảo		8.40	HSTT
12	B05	B05-12	CT4	Nguyễn Thị Ngọc Bích			
13	B05	B05-13	C08-06	Vòng Nhu Bình	x	8.70	HSTT
14	B05	B05-14	C01-06	Bùi Ngô Bích Châu	x	8.00	HSTT
15	B05	B05-15	C02-10	Lương Huỳnh Đạt		7.60	HSTT
16	B05	B05-16	C08-10	Vũ Quốc Đạt		7.80	HSTT
17	B05	B05-17	C08-13	Nguyễn Thái Hà	x	7.70	HSTT
18	B05	B05-18	C01-14	Nguyễn Hiệp Minh Hào		8.60	HSTT
19	B05	B05-19	C02-13	Phạm Trần Bảo Hân	x	8.20	HSG
20	B05	B05-20	C01-16	Nguyễn Tăng Hiếu		8.00	HSTT
21	B05	B05-21	C01-18	Đoàn Duy Hoàng		7.80	HSTT
22	B05	B05-22	C08-18	Lê Gia Hưng		8.50	HSTT
23	B05	B05-23	C02-21	Cát Tuấn Kiệt		7.90	
24	B05	B05-24	C08-21	Trần Lê Vương Bảo Kim	x	8.70	HSG
25	B05	B05-25	C08-22	Trần Ngọc Phương Linh	x	8.00	HSTT
26	B05	B05-26	C08-23	Lê Bùi Phúc Minh		8.00	HSTT
27	B05	B05-27	C08-24	Nguyễn Lâm Gia Minh		7.40	HSTT
28	B05	B05-28	C08-25	Lý Ngọc My	x	8.40	HSTT
29	B05	B05-29	CT5	Thái Thị Bích Ngọc			
30	B05	B05-30	C01-27	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	8.60	HSTT
31	B05	B05-31	C08-30	Nguyễn Thị Huyền Nhung	x	8.30	HSTT
32	B05	B05-32	C01-30	Lê Cúc Phương	x	7.30	HSTT
33	B05	B05-33	C08-33	Lê Tấn Phước		7.50	HSTT
34	B05	B05-34	C08-34	Kiều Nguyễn Thiên Tâm		8.20	HSTT
35	B05	B05-35	C01-33	Vũ Minh Thành		8.20	HSTT
36	B05	B05-36	C01-32	Đỗ Ngọc Thạch		8.00	HSTT
37	B05	B05-37	C01-34	Vũ Văn Thịnh		8.80	HSG
38	B05	B05-38	C01-35	Tiêu Bùi Minh Thu	x	8.50	HSTT
39	B05	B05-39	C02-36	Mạch Thị Thùy	x	8.20	HSTT
40	B05	B05-40	C01-37	Đoàn Minh Thư	x	8.30	HSTT
41	B05	B05-41	C02-35	Nguyễn Trần Anh Thư	x	8.50	HSG
42	B05	B05-42	C01-40	Lê Thị Quỳnh Trang	x	7.90	HSTT
43	B05	B05-43	C02-37	Trần Thị Kiều Trinh	x	8.90	HSG
44	B05	B05-44	C01-42	Nguyễn Ngọc Tuấn		7.50	HSTT
45	B05	B05-45	C02-38	Trần Thị Linh Tuyền	x	8.00	HSTT
46	B05	B05-46	C02-40	Phan Phước Nhật Vững		8.30	HSTT